

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 92/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/9/2019 về việc “Ly hôn” giữa:

* **Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H;** sinh năm 1986; Hộ khẩu thường trú (Số cũ): 45 tổ 14 P; (Số mới): 21 ngõ 62 phố B, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội; hiện ở tại: số 22 ngõ 195 P, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

* **Bị đơn: Anh Phạm Hồng Q;** sinh năm 1980; Hộ khẩu thường trú và hiện ở: (Số cũ) 45 tổ 14 P; (Số mới): 21 ngõ 62 phố B, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Hồng Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 27/5/2011 (số 24/2011) tại Ủy ban nhân xã B, Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị không hạnh phúc, đến nay tình cảm không còn nên chị H làm đơn xin ly hôn, anh Q cũng đồng ý ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội; Việc anh chị thoả thuận nuôi con chung tên là Phạm Hà V sau khi ly hôn cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: **Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Hồng Q.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Anh chị có 01 con chung tên là Phạm Hà V, sinh ngày 12/4/2011.

Sau khi ly hôn, anh Q là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Hà V kể từ tháng 10/2019 đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:**

Động sản và bất động sản: Anh chị không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xét.

- **Công nợ:** Anh chị không nợ ai, không ai nợ anh chị, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xét.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đồng: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu cả, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai số AA/2016/0003252 ngày 12/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, số tiền còn lại 150.000đồng chị H tự nguyện sung vào công quỹ Nhà nước.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND quận Hoàn Kiếm;
- UBND xã Bảo Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hiền Hòa